

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng – Bà Nguyễn Lê Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:250/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:156/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐ-HPT ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh ngày 07/9/1987.

Trú tại: xóm P, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt).

- Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh ngày 10/11/1992.

Trú tại: xóm P, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

-Về tình cảm: Anh Trần Quốc Toàn và Chị Võ Thị T cưới nhau vào tháng 03/2010 trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Anh T, Chị T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:19/2010 ngày 08/03/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, quan điểm

sống vợ chồng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Tháng 3/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra quyết liệt, sâu sắc, lúc này Anh T thấy mất hết niềm tin tình cảm đối với Chị T. Không sống được với nhau Chị T đã bỏ về bên ngoại sống ly thân đối với anh Tương từ cuối tháng 3/2022 cho đến nay. Do mâu thuẫn sâu sắc, không thể xây dựng hôn nhân bền vững đối với nhau nên vợ chồng không yêu cầu gia đình hai bên, các tổ chức đoàn thể tổ chức hòa giải cho vợ chồng mà để mặc hậu quả hôn nhân xảy ra. Anh T xác định mất hết tình cảm đối với Chị T, hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn, anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Võ Thị Tương.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung cháu Trần Anh T (Giới tính: nam), sinh ngày 17/12/2009, cháu Trần Anh T (Giới tính: Nam), sinh ngày 05/02/2015 và cháu Trần Gia N (Giới tính: nam), sinh ngày 28/10/2016. Từ ngày vợ chồng sống ly thân 03 con chung đang được Anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Chị T không có trách nhiệm gì đối với con chung kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nếu ly hôn Anh T đề nghị giao 03 con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Trần Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Chị Võ Thị T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu chị có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chị không hợp tác, cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của Chị T để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Anh Trần Quốc T và Chị Võ Thị T cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng hợp các văn bản tố tụng cho nguyên đơn Anh Trần Quốc T, bị đơn Chị Võ Thị T, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng Chị T không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa lần

định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn Chị Võ Thị T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Chị Võ Thị T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục kết hôn giữa Anh Trần Quốc T và Chị Võ Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật, các bên tự nguyện xây dựng hôn nhân. Anh T, Chị T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2010 ngày 08/03/2010 nên xác định hôn nhân giữa Anh T, Chị T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa Anh Trần Quốc T, chị Võ Thị T tan rã, đổ vỡ, là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân. Trong cuộc sống chung giữa Anh T và Chị T đã có những xử sự, lời nói không chuẩn mực, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất hết tình. Sau khi sống sống ly thân các bên đều cắt đứt các mối liên hệ, không có ý thức níu kéo hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa Anh T, Chị T đã hoàn toàn tan rã, đổ vỡ. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị T là có cơ sở. Do đó cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình xử cho Anh Trần Quốc T được ly hôn Chị Võ Thị T.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân ba con chung của vợ chồng được Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của Chị T về vật chất và tinh thần, nhưng Anh T vẫn nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tích cực về mọi mặt. Nay Anh T đề nghị giao 03 con chung cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Anh Trần Quốc T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do Anh T không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên tòa miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Anh Trần Quốc T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc Anh Trần Quốc T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Trần Quốc T được ly hôn Chị Võ Thị T .

2. Về quan hệ con chung: Giao ba con chung cháu Trần Anh Tuấn (Giới tính: nam), sinh ngày 17/12/2009, cháu Trần Anh Tú (Giới tính: Nam), sinh ngày 05/02/2015 và cháu Trần Gia Ngọc (Giới tính: nam), sinh ngày 28/10/2016 cho Anh Trần Quốc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị Võ Thị T cho đến lúc có yêu cầu.

Chị Võ Thị T người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Anh Trần Quốc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0011326 ngày 19/5/2022. Anh Trần Quốc T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Lãng Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhân:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã L (Nơi ĐKKH)

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc